

**TÔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**  
**CÔNG TY TNHH MTV THỨC ĂN CHĂN NUÔI KHATOCO**  
.....\*.....

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH MTV**  
**THỨC ĂN CHĂN NUÔI KHATOCO**

*Khánh Hòa, ngày      tháng      năm 2015*

<b>PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....</b>	<b>5</b>
I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP .....	5
1. Tên Công ty.....	5
2. Trụ sở chính.....	5
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .....	5
4. Tư cách pháp nhân.....	5
5. Vốn điều lệ của Công ty.....	5
6. Chủ sở hữu Công ty .....	5
7. Ngành nghề kinh doanh .....	5
8. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	6
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	6
III. THỰC TRẠNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XDGTĐN 1/4/2014.....	6
1. Tổng cộng nguồn vốn hoạt động tại thời điểm XDGTĐN .....	6
2. Cơ cấu tổ chức và chức năng các phòng ban .....	9
3. Tình hình lao động.....	14
4. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá .....	16
5. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2014 và đến cuối QI năm 2015 .....	17
6. Trình độ công nghệ và triển vọng phát triển .....	18
7. Giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco .....	19
<b>PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ .....</b>	<b>20</b>
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ .....	20
II. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA .....	20
III. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA.....	21
IV. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	21
1. Tên Công ty.....	21
2. Hình thức pháp lý .....	21
3. Ngành nghề kinh doanh .....	22
8. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa .....	22
V. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ .....	24
1. Số lượng cổ phần chào bán .....	24
2. Cơ cấu sở hữu vốn dự kiến trong Công ty cổ phần như sau .....	24
3. Trình tự chào bán.....	25
VI. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	25
1. Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT .....	25
2. Cổ phần bán cho NĐT chiến lược .....	25

3.	Cổ phần bán cho người lao động trong Công ty.....	26
4.	Tổ chức bán đấu giá.....	26
5.	Xử lý cổ phiếu không bán hết.....	27
6.	Rủi ro dự kiến của đợt chào bán.....	27
6.1	Rủi ro về kinh tế.....	27
6.2	Rủi ro về luật pháp.....	27
6.3	Rủi ro đặc thù.....	28
6.4	Rủi ro của đợt chào bán.....	28
6.5	Rủi ro khác.....	28
VII.	PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG.....	28
VIII.	TỔ CHỨC BỘ MÁY SAU CỔ PHẦN HÓA.....	29
IX.	CHIẾN LƯỢC VÀ PHƯƠNG ÁN KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA.....	31
1.	Chiến lược phát triển.....	31
2.	Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 – 2018.....	31
3.	Căn cứ để thực hiện kinh doanh.....	32
X.	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT.....	33
XI.	QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	34
XII.	TỔ CHỨC PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐƯỢC DUYỆT.....	35
1.	Tổ chức phương án được duyệt.....	35
2.	Kiến nghị.....	36

## CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### Các khái niệm:

- **“Công ty”**: Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco do Tổng Công ty Khánh Vietk làm Chủ Sở Hữu 100% vốn điều lệ.
  - **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
  - **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
  - **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông.
  - **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
  - **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Bản điều lệ.
  - **“Tổ chức tư vấn”**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta.
- “Tổ chức định giá”**: Công ty cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam (VVFC)

### Các từ viết tắt:

<b>HDLĐ</b> :	Hợp đồng lao động
<b>MTV</b> :	Một thành viên
<b>NĐT</b> :	Nhà đầu tư
<b>TNHH</b> :	Trách nhiệm hữu hạn
<b>UBND</b> :	Ủy ban nhân dân
<b>XĐGTDN</b> :	Xác định giá trị doanh nghiệp

## PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

### I. Giới thiệu về Doanh nghiệp

#### 1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV THỨC ĂN CHĂN NUÔI KHATOCO

Tên Tiếng Anh: KHATOCO FEED COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: KHA FEED

#### 2. Trụ sở chính

Trụ sở: Thôn Nhĩ Sự, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (84) 058.2215868

Fax: (84) 058.2216338

Website: <http://khafeed.khatoco.com>

Email: [khafeed@khatoco.com](mailto:khafeed@khatoco.com)

**Quyết định thành lập:** Ngày 19/12/2013 Theo Quyết định số 255/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt, Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco chính thức đi vào hoạt động ngày 23/12/2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201582789 ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa.

#### 3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201582789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23 tháng 12 năm 2013.

#### 4. Tư cách pháp nhân

Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng.

#### 5. Vốn điều lệ của Công ty

Trên giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: 57.000.000.000 đồng

#### 6. Chủ sở hữu Công ty

Tổng Công ty Khánh Việt.

Địa chỉ chủ sở hữu: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang.

#### 7. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco kinh doanh các ngành nghề chính sau đây:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la;

- Chăn nuôi dê, cừu;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

## 8. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Các sản phẩm chủ yếu của Công ty chuyên cung cấp các sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Bên cạnh đó Công ty còn cung cấp ra thị trường các sản phẩm từ chăn nuôi.

## II. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân là Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt, là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt được thành lập theo Quyết định số 64/QĐ-HĐQT-TCT ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Tổng Công ty Khánh Việt, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3716000059 ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và được điều chỉnh vào ngày 12/01/2011 với mã số chi nhánh là 4200486169-016.

Theo Quyết định số 255/QĐ-HĐTV ngày 19/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt chấm dứt hoạt động kể từ ngày Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco chính thức đi vào hoạt động ngày 23/12/2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201582789 ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa.

## III. Thực trạng của Doanh nghiệp tại thời điểm XĐGTDN 1/4/2014

### 1. Tổng cộng nguồn vốn hoạt động tại thời điểm XĐGTDN

#### 1.1. Phân theo cơ cấu tài sản

##### 1.1.1. Tài sản dài hạn

*ĐVT: Đồng*

STT	Khoản mục	Giá trị
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>1.000.0000</b>
<b>1</b>	<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>1.000.0000</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>6.637.154.014</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	6.637.154.014
	- Nguyên giá	35.959.806.036
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(29.322.652.022)
2	Tài sản cố định vô hình	-

	- Nguyên giá	109.468.845
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(109.468.845)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	35.315.911
1	Chi phí trả trước dài hạn	35.315.911
<b>TỔNG TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.673.469.925</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã qua kiểm toán tại thời điểm ngày 31/3/2015 TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco)

### 1.1.2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn

DVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>38.364.128.227</b>
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>3.635.281.243</b>
3.1	Phải thu khách hàng	3.582.915.569
3.2	Trả trước cho người bán	51.702.874
3.3	Các khoản phải thu khác	662.800
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>34.021.953.844</b>
4.1	Hàng tồn kho	34.021.953.844
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>379.919.555</b>
5.1	Chi phí trả trước ngắn hạn	379.919.555
<b>TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>		<b>76.401.282.869</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã qua kiểm toán tại thời điểm ngày 31/3/2015 TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco)

## 1.2. Phân theo nguồn vốn

### 1.2.1. Vốn chủ sở hữu

DVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	57.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.984.136.428
	<b>Cộng</b>	<b>59.984.136.428</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã qua kiểm toán tại thời điểm ngày 31/3/2015 TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco).

### 1.2.2. Các khoản công nợ phải trả

DVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>23.090.616.366</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>23.090.616.366</b>
1.1	Phải trả người bán	11.263.799.049
1.2	Người mua trả tiền trước	610.828.792
1.3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	400.694.900
1.4	Phải trả Người lao động	4.054.704.000
1.5	Phải trả ngắn hạn khác	3.775.674.126
1.6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.984.915.499
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã qua kiểm toán tại thời điểm ngày 31/3/2015 TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco)

### 1.2.3. Hiện trạng sử dụng đất

Đến thời điểm XDGTĐN ngày 01/04/2015, Công ty đang quản lý và sử dụng 40.040 m<sup>2</sup> đất, cụ thể như sau:

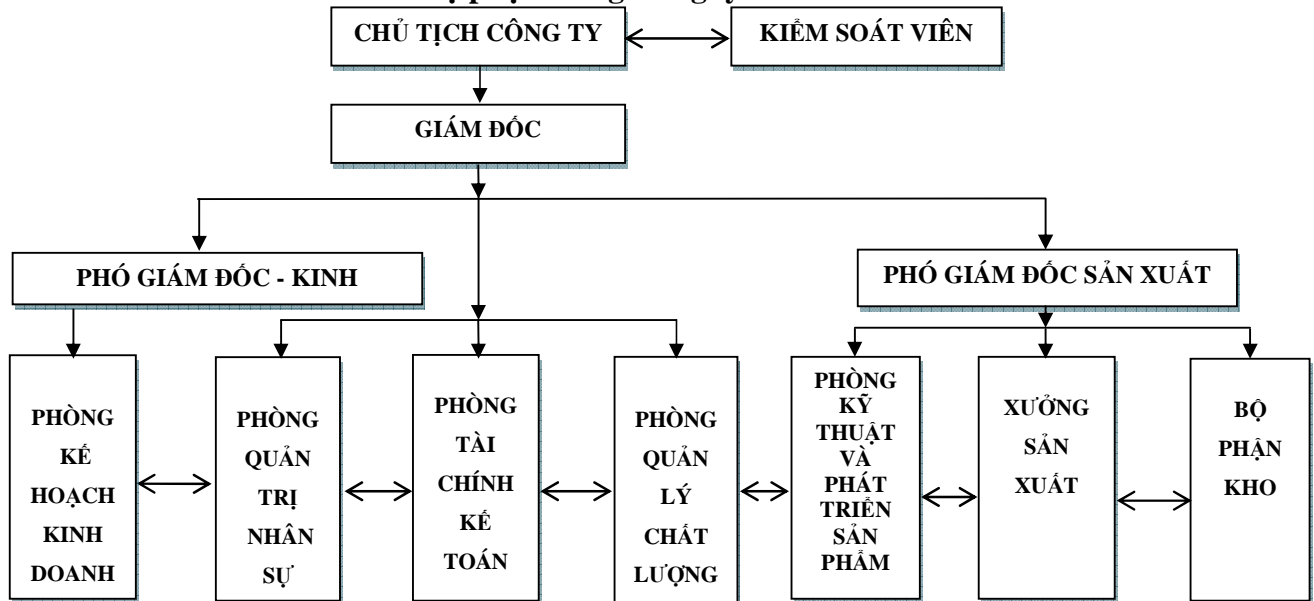


STT	Tên dự án	Diện tích	Địa điểm	Tình trạng giấy tờ đất
		(m2)		/Hồ sơ pháp lý sử dụng đất
1	Cơ sở sản xuất kinh doanh	40.040	Thôn Nhĩ Sụ, xã Ninh Thân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hợp đồng thuê đất số 83/2014/HđTD ngày 19/08/2014 giữa UBND tỉnh Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco</li> <li>Quyết định số 642/QĐ-CT ngày 27/5/2009 của Cục trưởng Cục thuế Khánh Hòa về việc miễn tiền thuê đất;</li> <li>Giấy chứng nhận QSD đất số AP 389548 ngày 26/6/2009 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp.</li> </ul>
	<b>Tổng diện tích</b>	<b>40.040</b>		

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco.

## 2. Cơ cấu tổ chức và chức năng các phòng ban

### 2.1. Sơ đồ tổ chức các bộ phận trong Công ty



Ghi chú: → Quan hệ chỉ đạo; ↔ Quan hệ phối hợp

### 2.2. Chức năng các phòng ban

#### Ban giám đốc

Việc điều hành Công ty, việc phân công nhiệm vụ, quyền hạn trong Ban giám đốc được thực hiện đúng theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Chủ tịch hội đồng thành viên phê duyệt ngày 19/12/2013.

Trong quá trình thực hiện Ban giám đốc luôn nêu cao vai trò trách nhiệm cá nhân phụ trách trong lãnh đạo, điều hành, chủ động nghiên cứu chủ trương chính sách của Nhà nước, những qui định của Tổng Công ty và những chủ trương mà tập thể Ban giám đốc đã bàn bạc và quyết định để điều hành có hiệu quả.

### **Phòng Kế hoạch - Kinh doanh**

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong việc lập và triển khai công tác kế hoạch; vận chuyển hàng hóa; hoạt động tiếp thị, quảng bá sản phẩm và bán hàng; tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty về công tác mua, cung ứng vật tư, nguyên liệu.

**Nhiệm vụ, quyền hạn:** Phòng Kế hoạch – Kinh doanh gồm các cán bộ, nhân viên Kế hoạch - Kinh doanh; tổ mua nguyên liệu và đội xe.

- Tổ Kế hoạch – Kinh doanh.
  - + Xây dựng kế hoạch – kinh doanh của Công ty;
  - + Triển khai và theo dõi việc thực hiện kế hoạch của các phòng ban, xưởng trong toàn Công ty;
  - + Lập các báo cáo về kế hoạch, phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; tính toán, xây dựng giá thành kế hoạch và trình lãnh đạo Công ty quyết định;
  - + Tìm hiểu tập quán chăn nuôi, các sản phẩm thức ăn chăn nuôi được ưa chuộng sử dụng ở từng địa phương và chiến lược kinh doanh của đối thủ cạnh tranh, dự báo cung - cầu, thông tin giá cả thị trường để xác định tiềm năng phát triển sản phẩm của Công ty; trên cơ sở đó xây dựng và phát triển thị trường phân phối sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty;
  - + Xây dựng kế hoạch bán hàng, kế hoạch tiếp thị, quảng bá sản phẩm và bán hàng hàng tháng, hàng quý, hàng năm trình lãnh đạo Công ty phê duyệt và triển khai thực hiện;
  - + Hàng tháng báo cáo lãnh đạo Công ty tình hình thực hiện kế hoạch. Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động bán hàng và tiếp thị; đồng thời cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin phản hồi của thị trường về các yêu cầu, về quy cách, chất lượng sản phẩm, bao bì đóng gói, thời gian giao hàng và các thông tin có liên quan khác cho lãnh đạo Công ty, cùng theo đó có ý kiến đề xuất của phòng Kỹ thuật và Phát triển sản phẩm;
  - + Xây dựng các chế độ, chính sách bán hàng, chính sách chăm sóc khách hàng, giá bán hàng của Công ty phù hợp với các đối tượng khách hàng và thị trường từng địa phương trình lãnh đạo Công ty quyết định; xây dựng các hợp đồng bán hàng trình ký và quản lý, thực hiện các hợp đồng bán hàng;
  - + Thực hiện việc thu tiền bán hàng; chủ động phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán trong công tác theo dõi, đối chiếu, xác nhận và thu hồi nợ;

- + Đầu mối nhận mọi thông tin về khiếu nại của khách hàng, phối hợp các phòng, xưởng xác định nguyên nhân và đưa ra phương hướng xử lý trình lãnh đạo Công ty phê duyệt;
  - + Tham gia vào Hội đồng mua hàng và các Hội đồng khác theo phân công của lãnh đạo Công ty;
  - + Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Công ty giao.
- Tổ Mua nguyên liệu.
    - + Khảo sát, cập nhật thông tin thị trường, giá cả, nhà cung cấp tham mưu cho lãnh đạo Công ty, Hội đồng thu mua trong công tác mua hàng;
    - + Thực hiện đúng quy trình, công tác mua và cung ứng vật tư, nguyên liệu đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, số lượng, giá cả cạnh tranh hợp lý, theo đúng tiến độ và yêu cầu kế hoạch cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và dự trữ của Công ty;
    - + Soạn thảo hợp đồng mua nguyên liệu báo cáo lãnh đạo phòng, trình lãnh đạo Công ty ký kết;
    - + Phối hợp với các phòng trong việc lên kế hoạch mua nguyên liệu; trình tự, thủ tục thanh toán cho khách hàng;
    - + Tham gia vào Hội đồng mua hàng, Hội đồng kiểm nhận nhập nguyên vật liệu và các Hội đồng khác theo phân công của lãnh đạo Công ty;
  - Đội xe.
    - + Quản lý, điều hành công tác vận tải, các phương tiện vận chuyển và các công tác liên quan đến phương tiện vận chuyển theo đúng quy trình, định mức và chế độ quản lý; đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

### **Phòng quản trị nhân sự**

**Chức năng, nhiệm vụ:** Đã triển khai thực hiện việc tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty về công tác tổ chức, nhân sự, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, lao động tiền lương, hành chính quản trị, văn thư lưu trữ và công tác bảo hiểm; công tác bảo vệ; nhà ăn; cây xanh. Phòng Quản trị nhân sự gồm cán bộ quản trị nhân sự hành chính, Tổ Bảo vệ, Tổ Nhà ăn và Tổ Cây xanh.

Thực hiện công tác hành chính, văn thư và lưu trữ các văn bản, hồ sơ, giấy tờ, tài liệu hành chính và con dấu theo đúng nguyên tắc, quy định của Nhà nước; thực hiện các chế độ báo cáo, thống kê, soạn thảo các văn bản theo phân công của lãnh đạo Công ty;

Xây dựng kế hoạch nhân sự, tuyển dụng lao động, phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh trình Giám đốc Công ty và triển khai thực hiện sau khi có quyết định;

Quản lý hồ sơ, lý lịch, HĐLĐ, sổ bảo hiểm của công nhân viên;

Triển khai thực hiện công tác quy hoạch cán bộ; đào tạo cán bộ nhân viên;

Triển khai xây dựng định mức lao động, tiêu chuẩn lao động; tổ chức thi nâng bậc nghề, tổ chức xét duyệt nâng bậc-nâng lương và phụ cấp cho công nhân viên;

Thực hiện công tác lao động tiền lương, công tác bảo hiểm, công tác bảo hộ lao động và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động - có sự phối hợp với phòng Tài chính – Kế toán; quản lý, tổ chức công tác khám sức khỏe định kỳ và thực hiện các chế độ liên quan cho người lao động;

Thực hiện các công tác lễ tân của cơ quan, xây dựng lịch công tác giao ban, hội họp, sinh hoạt định kỳ và bất thường của Công ty;

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội quy Công ty;

Quản lý và tổ chức thực hiện bữa ăn ca cho công nhân viên theo đúng tiêu chuẩn, chế độ quy định, kể cả chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật (nếu có); theo đó thực hiện việc lập sổ sách nhà ăn rõ ràng và thanh quyết toán minh bạch, hợp lệ.

### **Phòng tài chính – kế toán**

**Chức năng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo về công tác quản lý tài chính, kế toán, thu.

### **Nhiệm vụ, quyền hạn**

Tổ chức, thực hiện, báo cáo toàn bộ công tác tài chính, kế toán, thuế phát sinh theo quy định;

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát và phân tích tình hình quản lý, sử dụng tiền vốn, tài sản, công nợ, giá cả; báo cáo kết quả các công việc đã thực hiện phục vụ quản lý với lãnh đạo Công ty; đề xuất các biện pháp, các quy định quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Công ty;

Mua, sử dụng, quản lý, báo cáo hóa đơn theo quy định;

Trong phạm vi Công ty, tổ chức việc lưu chuyển chứng từ; hướng dẫn và giám sát việc sử dụng, ghi chép chứng từ;

Chủ động phối hợp với các phòng ban liên quan trong công tác của Hội đồng kiểm kê định kỳ; tham gia Hội đồng xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, Hội đồng kiểm nhận nhập – xuất nguyên liệu, sản phẩm và các Hội đồng khác của Công ty theo yêu cầu của lãnh đạo;

Kết hợp với phòng Kỹ thuật và Phát triển sản phẩm xác định giá thành sản phẩm; hợp tác, phối hợp với các phòng, xưởng,... giải quyết những vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ;

Cập nhật, phổ biến các quy định về thuế, kế toán, tài chính cho các phòng, đơn vị và các cá nhân liên quan;

Quản lý, sử dụng, bảo mật chứng từ, chương trình phần mềm sử dụng;

Tham gia hội đồng thu mua nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ ...;

Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Công ty phân công.

### **Phòng quản lý chất lượng**

**Chức năng:** Tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Công ty về công tác quản lý chất lượng, phân tích, kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu và thành phẩm.

### **Nhiệm vụ, quyền hạn**

Bảo mật tuyệt đối kỹ thuật – công nghệ Công ty; các thông tin về kỹ thuật – công nghệ chỉ được trao đổi theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty;

Có ý kiến độc lập, báo cáo kịp thời trực tiếp với lãnh đạo Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình phát hiện các trường hợp có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả của Công ty;

Tham gia vào các Hội đồng công tác có liên quan đến việc đánh giá, xác nhận chất lượng nguyên vật liệu và sản phẩm;

Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Công ty phân công.

### **Phòng Kỹ thuật và phát triển sản phẩm**

**Chức năng:** Đã triển khai thực hiện tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc lập và triển khai công tác kỹ thuật - công nghệ, phát triển sản phẩm.

**Nhiệm vụ:** Phòng Kỹ thuật và phát triển sản phẩm đã thực hiện kiện toàn tổ chức, phân công hiệu quả công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Thường xuyên nghiên cứu, xây dựng công thức sản phẩm đảm bảo chất lượng và giá thành ổn định. Mặc dù thời gian qua giá nguyên liệu tăng mạnh nhưng giá thành sản phẩm tăng không đáng kể.

Lập nhu cầu nguyên liệu theo tháng/quý/năm để làm cơ sở xây dựng kế hoạch cung ứng nguyên vật liệu.

Đã xây dựng và quản lý: Các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật liên quan đến chất lượng nguyên vật liệu, sản phẩm, bảo quản, sản xuất trình lãnh đạo Công ty ban hành và giám sát thực hiện;

Hàng ngày kiểm tra chất lượng của nguyên liệu đầu vào và quá trình bảo quản. Giám sát việc thực hiện, chấp hành quy trình công nghệ và quản lý chất lượng sản phẩm của các bộ phận liên quan.

Tư vấn kỹ thuật cho các hộ chăn nuôi, nghiên cứu công thức sản xuất, thử nghiệm sản phẩm mới để không ngừng hoàn thiện chất lượng và hiệu quả. Hiện tại phòng Kỹ thuật đang tiến hành thử nghiệm sản phẩm cám heo con theo công nghệ mới ước tính giảm giá thành sản phẩm gần 1000đồng/kg.

Đề xuất lãnh đạo Công ty những nguyên liệu mới thay thế phù hợp chất lượng và nâng cao hiệu quả kinh tế. Tận dụng những nguyên liệu rẻ tiền tại địa phương như cám gạo, bã sắn ...

Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Công ty phân công.

### **Bộ phận Xưởng sản xuất**

**Chức năng:** Sản xuất sản phẩm theo kế hoạch và chỉ đạo của lãnh đạo Công ty. Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về chỉ đạo sản xuất, quản lý máy móc thiết bị, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực của Xưởng.

**Nhiệm vụ, quyền hạn:** Lập kế hoạch sản xuất đáp ứng tối đa theo kế hoạch bán hàng của Phòng Kế hoạch – Kinh doanh; xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị; kế hoạch mua vật tư, phụ tùng thay thế lãnh đạo Công ty quyết định; bảo mật tuyệt đối kỹ thuật – công nghệ Công ty; các thông tin về kỹ

thuật – công nghệ chỉ được trao đổi theo chỉ đạo của Giám đốc. Tham gia vào Hội đồng định mức kinh tế kỹ thuật; phối hợp các phòng thực hiện công tác an toàn phòng cháy chữa cháy và chống môi, mọt, chống dột nhà xưởng; thực hiện các nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Công ty giao.

### **Bộ phận kho**

**Chức năng:** Tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Công ty về công tác quản lý xuất nhập nguyên liệu, bao bì, phụ gia và thành phẩm. Bốc xếp hàng hóa kịp thời, bảo quản chất lượng nguyên vật liệu và thành phẩm.

**Nhiệm vụ, quyền hạn:** Bảo mật tuyệt đối kỹ thuật – công nghệ Công ty; các thông tin về kỹ thuật – công nghệ chỉ được trao đổi theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty. Có ý kiến độc lập, báo cáo kịp thời trực tiếp với lãnh đạo Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình phát hiện các trường hợp có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả của Công ty. Quản lý nguyên vật liệu và thành phẩm. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Công ty phân công.

### **3. Tình hình lao động**

Vào thời điểm phê duyệt giá trị doanh nghiệp ngày 16/11/2015 tổng số lao động tại Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco là 128 người, phân loại như sau:

#### **a) Phân loại lao động theo trình độ**

STT	Trình độ	Tổng số người			Tỷ lệ (%)
		Nam	Nữ	Tổng	
1	Trên đại học	1,00	-	1,00	0,78
2	Đại học	22,00	7,00	29,00	22,66
3	Cao đẳng	9,00	3,00	12,00	6,37
4	Trung cấp	16,00	-	16,00	12,50
5	Công nhân kỹ thuật	6,00	-	6,00	4,69
6	Lao động phổ thông	60,00	4,00	64,00	50,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>114,00</b>	<b>14,00</b>	<b>128,00</b>	<b>100,00</b>

*Nguồn : Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco.*

#### **b) Thực trạng lao động tại doanh nghiệp**

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá.</b>	128	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	128	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	102	
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	13	
	c) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định dưới 12 tháng	11	
	d) Lao động làm việc trong thời gian học việc thử việc, theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	2	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0	
<b>II</b>	<b>Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp</b>	<b>1</b>	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ	0	
	a) Hết hạn HĐLĐ	0	
	b) Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	0	
	c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá, chia ra:	1	
	a) Số lao động thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	1	
	b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	0	
<b>III</b>	<b>Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần</b>	<b>127</b>	
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	126	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	1	
	a) Ốm đau	0	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	b) Thai sản	1	
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
3	Số lao động đang tạm hoãn HĐLĐ, chia ra:	0	
	a) Nghĩa vụ quân sự	0	
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	d) Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)	0	

Nguồn : Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco.

**c) Phân loại theo chức năng phòng ban**

STT	Phòng ban	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Ban lãnh đạo	4,00	3,12
2	Phòng kế toán	7,00	5,47
3	Phòng kinh doanh	31,00	24,22
4	Phòng kỹ thuật	4,00	3,12
5	Phòng nhân sự	12,00	9,38
6	Phòng Quản lý chất lượng	6,00	4,69
7	Xưởng sản xuất	35,00	27,34
8	Bộ phận kho và bốc xếp	29,00	22,66
	<b>Tổng cộng</b>	<b>128,00</b>	<b>100,00</b>

Nguồn : Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco.

**4. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài sản trước khi cổ phần hoá.

*DVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Cuối Quý I năm 2015
1	Tổng tài sản	82.065.472.238	76.574.516.887	83.074.752.794
2	Vốn chủ sở hữu	57.000.000.000	57.000.000.000	59.984.136.428
3	Doanh thu thuần	272.847.186.281	259.925.013.520	65.204.814.682



4	Lợi nhuận trước thuế	7.076.539.084	7.618.811.191	3.372.507.618
5	Lợi nhuận sau thuế	6.158.019.618	6.722.092.220	2.984.136.428

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã qua kiểm toán 2013,2014 và cuối QI năm 2015 đã qua kiểm toán của Công ty Thức ăn Chăn nuôi Khatoco.)

### Các chỉ số tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Quý I/2015
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>					
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	5,39	2,88	3,55	3,31
Hệ số thanh toán nhanh: <i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,47	0,8	1,44	1,84
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>					
Hệ số Nợ dài hạn/Tổng tài sản	%	0	0	0	0
Hệ số Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	15,82	30,54	25,56	27,79
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</b>					
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,79	3,32	3,39	0,78
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</b>					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,45	2,26	2,59	4,58
Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,05	10,80	11,79	4,97
Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/TTS	%	1,72	7,50	8,78	3,59
Hệ số: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,47	2,59	2,94	5,17

## 5. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2014 và đến cuối QI năm 2015

### 5.1. Thuận lợi

Công ty là đơn vị con của Tổng Công ty Khánh Việt nên được sự hỗ trợ nhiều từ Công ty mẹ.

Sản lượng tiêu thụ phục vụ cho Công ty mẹ chiếm trên 20% tổng sản lượng tiêu thụ.

Sản phẩm được thị trường chấp nhận và đánh giá cao, thương hiệu thức ăn chăn nuôi Khafeed đã tạo được uy tín và niềm tin của khách hàng.

Chính sách kinh doanh trọng đối linh hoạt đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động bán hàng.

Chất lượng sản phẩm tương đối ổn định.

Hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất còn hoạt động rất tốt, ít sửa chữa hay hư hỏng.

Thị trường tiêu thụ phát triển tốt và rất triển vọng trong tương lai gần. Khu vực miền Trung đang được đầu tư phát triển về quy mô, con giống, quản lý... chăn nuôi hứa hẹn sẽ là thị trường thuận lợi cho Công ty thức ăn chăn nuôi phát triển.

Công ty nằm gần khu vực sản xuất nông sản lớn ở Tây nguyên và hệ thống vận tải đường thủy thuận lợi cho công tác nhập nguyên liệu đầu vào.

## **5.2. Khó khăn**

Thị trường thức ăn chăn nuôi đang trong giai đoạn cạnh tranh rất lớn. Nhiều Công ty thức ăn chăn nuôi đang đầu tư mạnh vào khu vực miền Trung.

Giá thị trường đầu ra chăn nuôi không ổn định, dịch bệnh chưa kiểm soát tốt, sự cạnh tranh của thịt nhập khẩu... dẫn đến nhiều rủi ro trong đầu tư nông nghiệp.

Nguyên liệu ngành thức ăn chăn nuôi phần lớn là nhập khẩu nên phụ thuộc rất nhiều vào tỷ giá, chi phí trung gian... làm tăng giá thành sản phẩm.

Sự cạnh tranh không lành mạnh về chất lượng, chất cấm, phí chông chéo...

## **6. Trình độ công nghệ và triển vọng phát triển**

### **6.1 Trình độ công nghệ**

Với định hướng xây dựng thương hiệu theo mục tiêu chất lượng cao và sạch, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập từ Châu Âu, phần mềm xây dựng công thức của Mỹ, phòng thí nghiệm tiên tiến. Ký hợp đồng tư vấn với các chuyên gia dinh dưỡng vật nuôi hàng đầu trong và ngoài nước để đào tạo cho các cán bộ kỹ thuật, nhân viên bán hàng, bảo đảm đưa ra những sản phẩm có chất lượng tốt và ổn định, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Sản phẩm đã được tổ chức QUACERT chứng nhận hợp quy đảm bảo đúng theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

### **6.2 Triển vọng phát triển**

Ngành chăn nuôi Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển nhanh, dự kiến đến 2020 nhu cầu thức ăn chăn nuôi trong nước tăng lên 25-26 triệu tấn. Thị trường thức ăn chăn nuôi miền Trung Việt Nam được đánh giá sẽ phát triển nhanh do đang trong giai đoạn chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ sang sản xuất lớn.

Nhà nước đã và đang đầu tư mạnh vào nông nghiệp để tiến tới giảm nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, Công ty có lợi thế về nguồn nguyên liệu nông sản từ Tây nguyên, ngoài ra cũng thuận lợi khi nhập khẩu nguyên liệu về các cảng biển.

**7. Giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco**

Căn cứ kết quả XĐGTDN được UBND tỉnh Khánh Hòa thông qua Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa thì:

1. Giá trị thực tế của Công ty: **95.421.997.623** đồng
2. Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **69.347.244.829** đồng
3. Tài sản không đưa vào cổ phần hóa: **604.272.393** đồng.

## **PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ**

### **I. Căn cứ pháp lý**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và XĐGTDN thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 07 năm 2015 của Chính Phủ về quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/5/2013 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc đính chính thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH;
- Căn cứ theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 20/11/2014 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV thuộc Tổng Công ty Khánh Việt;
- Căn cứ Quyết định số 3411/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 12 tháng 12 năm 2014 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV thức ăn chăn nuôi Khatoco;
- Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-BCĐCPH về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa;
- Căn cứ Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco;
- Căn cứ tình hình thực tế và đặc thù của Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco cũng như thu hút đầu tư của các doanh nghiệp cổ phần hóa hiện tại.

### **II. Mục tiêu cổ phần hóa**

Thực hiện Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước Tổng Công ty Khánh Việt, giai đoạn 2013-2015” đã được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2013;

Huy động vốn của các NĐT trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, học tập và áp dụng các phương thức quản trị doanh nghiệp và quản lý tiên tiến trên thế giới, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Tăng cường tính giám sát không chỉ từ phía Nhà nước mà còn từ phía các NĐT là các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nước ngoài (nếu có) đối với các hoạt động và phát triển, giúp nâng cao tính minh bạch và lành mạnh tài chính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Tạo điều kiện cho Công ty chủ động, linh hoạt trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động trong quyết định đầu tư; chủ động khâu phân phối sản phẩm theo cơ chế thị trường; chủ động trong việc thực hiện Chiến lược phát triển ...;

Nâng cao khả năng cạnh tranh, gia tăng mức độ quốc tế hóa, xã hội hóa các hoạt động của thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam; chủ động hội nhập sâu, rộng trong nền kinh tế thế giới; phát triển một môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp hoạt động trong ngành;

Tạo điều kiện mở rộng hợp tác với các đối tác, đặc biệt là các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm về Ngành, kinh nghiệm về thị trường, tiềm lực về tài chính.

### **III. Hình thức cổ phần hóa**

Căn cứ theo tình hình thực tế và quy định tại điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, lựa chọn hình thức cổ phần hóa là bán bớt một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để vốn Nhà nước nắm 20% vốn điều lệ của Công ty.

### **IV. Tình hình doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa**

#### **1. Tên Công ty**

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI KHATOCO

Tên tiếng Anh: KHATOCO FEED JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: KHAFEED

Trụ sở: Thôn Nhĩ Sự, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (84) 058.2215868

Fax: (84) 058.2216338

Website: <http://khafeed.khatoco.com>

Email: [khafeed@khatoco.com](mailto:khafeed@khatoco.com)

#### **2. Hình thức pháp lý**

Sau khi cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Khatoco sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây hàng năm khác;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la;
- Chăn nuôi dê, cừu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm.

### 8. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 01 tháng 4 năm 2015 được xác định theo Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>82.470.480.401</b>	<b>95.421.997.623</b>	<b>12.951.517.222</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>6.069.197.532</b>	<b>16.648.431.205</b>	<b>10.579.233.673</b>
1. Tài sản cố định	6.032.881.621	16.612.115.294	10.579.233.673
a. Tài sản cố định hữu hình	6.032.881.621	16.612.115.294	10.579.233.673
b. Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
c. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm GT QSD đất)	0	0	0
2. Bất động sản đầu tư	0	0	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	-	0
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	35.315.911	35.315.911	0
7. Các khoản phải thu dài hạn	1.000.000	1.000.000	0
8. Tài sản dài hạn khác	0	0	0
<b>II. Tài sản lưu động và đầu</b>	<b>76.401.282.869</b>	<b>76.918.643.214</b>	<b>517.360.345</b>

<b>tư ngắn hạn</b>			
1. Tiền	38.364.128.227	38.364.128.227	0
a. Tiền mặt tồn quỹ	44.755.559	44.755.559	0
b. Tiền gửi ngân hàng	38.319.372.668	38.319.372.668	0
c. Tiền đang chuyển	0	0	0
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
3. Các khoản phải thu	3.635.281.243	3.635.281.243	0
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	34.021.953.844	34.021.953.844	0
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	379.919.555	897.279.900	517.360.345
6. Chi phí sự nghiệp	0	0	0
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>	<b>0</b>	<b>1.854.923.204</b>	<b>1.854.923.204</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B. Tài sản không cần dùng</b>	<b>604.272.393</b>	<b>604.272.393</b>	<b>0</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>604.272.393</b>	<b>604.272.393</b>	<b>0</b>
1. Tài sản cố định	604.272.393	604.272.393	0
2. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	0	0	0
2. Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	0	0	0
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0
2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)</b>	<b>83.074.752.794</b>	<b>96.026.270.016</b>	<b>12.951.517.222</b>

<b>Trong đó:</b>			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>82.470.480.401</b>	<b>95.421.997.623</b>	<b>12.951.517.222</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>26.074.752.794</b>	<b>26.074.752.794</b>	<b>0</b>
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	0	0	0
<b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}</b>	<b>56.395.727.607</b>	<b>69.347.244.829</b>	<b>12.951.517.222</b>

( Nguồn: Biên bản XDGTĐN đã được UBND tỉnh Khánh Hòa thông qua theo Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của doanh nghiệp tại thời điểm 01/4/2015)

## V. Phương án cổ phần hóa và Cơ cấu vốn điều lệ

### 1. Số lượng cổ phần chào bán

- Vốn điều lệ dự kiến: 45.000.000.000 đồng.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số cổ phần dự kiến phát hành: 4.500.000 cổ phần, trong đó:
  - + Cổ phần Tổng Công ty nắm giữ: 900.000 cổ phần, tương ứng 20% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần chào bán: 3.600.000 cổ phần, tương ứng 80% vốn điều lệ.

### 2. Cơ cấu sở hữu vốn dự kiến trong Công ty cổ phần như sau

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)
<b>1</b>	<b>Nhà nước</b>	<b>900.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>20,00</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>3.600.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>80,00</b>
2a	+ NĐT Chiến lược	900.000	9.000.000.000	20,00
2b	- Người lao động trong Công ty	86.000	860.000.000	1,91
	Trong đó:			
	+ Mua ưu đãi thâm niên công tác	86.000	860.000.000	1,91
2c	+ NĐT khác	2.614.000	26.140.000.000	58,09



<b>Tổng vốn điều lệ</b>	<b>4.500.000</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>100,00</b>
-------------------------	------------------	-----------------------	---------------

### 3. **Trình tự chào bán**

Tiến hành chào bán công khai cho các NĐT bên ngoài trước, sau đó thực hiện chào bán cho đối tác chiến lược và người lao động trong Công ty.

## VI. **Phương án chào bán cổ phần**

### 1. **Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT**

- Số lượng cổ phần chào bán công khai: **2.614.000** cổ phần;
- Chiếm **58,09 %** vốn điều lệ;
- Giá khởi điểm chào bán: **10.000** đồng/cổ phần;
- Thực hiện theo hình thức đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán (để xuất đầu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM).

### 2. **Cổ phần bán cho NĐT chiến lược**

Số lượng cổ phần chào bán cho NĐT chiến lược: **900.000** cổ phần, chiếm **20,00%** vốn điều lệ.

Số lượng NĐT chiến lược: Tối đa 3 NĐT.

Phương thức chào bán: Chỉ tiến hành xét bán cổ phần cho NĐT chiến lược sau khi bán đầu giá công khai.

Trường hợp có tối đa 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, nếu số cổ phần các NĐT chiến lược đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho NĐT chiến lược thì phải tổ chức đấu giá giữa các NĐT chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu số cổ phần các NĐT chiến lược đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán ra cho NĐT chiến lược thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa tiến hành thỏa thuận và quyết định về số cổ phần bán ra, giá bán cổ phần.

Trường hợp có trên 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa phải xây dựng quy chế tổ chức đấu giá giữa các NĐT chiến lược theo nguyên tắc quy định tại Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính.

Việc lựa chọn NĐT chiến lược thông qua hình thức đấu giá phải đảm bảo nguyên tắc lựa chọn NĐT chiến lược có giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng bán ra nhưng tối đa không quá 03 NĐT chiến lược và phải đảm bảo giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá giữa các NĐT chiến lược không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai căn cứ kết quả của cuộc đấu giá, Ban chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt danh sách NĐT chiến lược được lựa chọn.

### **Giá bán cổ phần cho NĐT chiến lược:**

Tại **Điểm d, Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP** ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính Phủ và **Khoản 4, Điều 5, Thông tư số 196/2011/TT-BTC** ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính quy định giá bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược như sau:

Giá bán cổ phần cho NĐT chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (Đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá NĐT chiến lược đặt mua được xác định là trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các NĐT chiến lược (Đối với trường hợp bán đấu giá giữa các NĐT chiến lược) nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

**Tiêu chí NĐT chiến lược:** Thỏa mãn tiêu chí sau:

- Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm; doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi có vốn điều lệ từ 14 tỷ trở lên.

**Có văn bản cam kết về các nội dung:**

Đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp phải có cam kết bằng văn bản trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco sau cổ phần hóa về:

- Có khả năng tiếp cận và chuyển giao công nghệ mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty;
- Hỗ trợ trong việc phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- Hỗ trợ trong việc cung cấp thông tin về giá vật tư trên thị trường trong và ngoài nước;
- Thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về NĐT chiến lược tham gia mua cổ phần.

### **3. Cổ phần bán cho người lao động trong Công ty**

#### **3.1. Mục tiêu chào bán**

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động là nhằm gắn kết người lao động và tạo động lực của người lao động với sự phát triển của Công ty sau cổ phần hóa.

#### **3.2. Cổ phần chào bán cho người lao động trong Công ty theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước**

- Giá bán cho người lao động: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá công khai;
- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là: 128 người;
- Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi: **115** người. Số người không đủ điều kiện mua là 13 người (do chưa đủ 1 năm công tác tại khu vực Nhà nước);
- Tổng số năm công tác của người lao động được mua cổ phần ưu đãi trong khu vực Nhà nước: **860** năm;
- Số lượng cổ phần chào bán: **86.000** cổ phần, chiếm **1,91%** vốn điều lệ;

### **4. Tổ chức bán đấu giá**

Sau khi phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ

đạo doanh nghiệp cổ phần hóa triển khai việc bán cổ phần lần đầu theo đúng trình tự quy định và theo phương án được duyệt.

## **5. Xử lý cổ phiếu không bán hết**

### **5.1. Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm**

- Số lượng cổ phần NĐT trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
- Số lượng cổ phần không được NĐT đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.
- Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.
- Số lượng cổ phần NĐT chiến lược từ chối mua theo cam kết khi đăng ký.

### **5.2. Phương án xử lý**

- Chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các NĐT đã tham dự đấu giá theo phương thức đấu giá trực tiếp giữa các NĐT hoặc thỏa thuận trực tiếp với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất.
- Trong trường hợp vẫn không chào bán hết.
- Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

## **6. Rủi ro dự kiến của đợt chào bán**

### **6.1 Rủi ro về kinh tế**

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam có những giai đoạn bị giảm sút, cụ thể tăng trưởng 6,8% năm 2010, 5,9% năm 2011, 5,03% năm 2012 và năm 2013 là 5,4%, và năm 2014 là 5,9%. Ngoài ra sự thiếu ổn định trong các chính sách tài chính và ngày càng phụ thuộc vào các nền kinh tế bên ngoài do hội nhập kinh tế làm cho hoạt động của Công ty cũng bị ảnh hưởng.

Những năm tới Việt Nam sẽ gia nhập WTO triệt để, sẽ mở cửa các ngành nghề theo cam kết trong đó có ngành thức ăn chăn nuôi. Đây là một yếu tố bất lợi rất lớn trong tương lai đối với Công ty.

### **6.2 Rủi ro về luật pháp**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật Bảo vệ Môi trường và...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

### **6.3 Rủi ro đặc thù**

Nhìn chung quy mô của Công ty ở quy mức nhỏ và vừa, chưa có sự liên kết khép kín từ con giống, thức ăn, giết mổ, tiêu thụ thực phẩm nên dễ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi từ thị trường như tỷ giá, giá nguyên liệu đầu vào, dịch bệnh, thiên tai, chính sách thuế...

Chịu sự cạnh tranh lớn từ các đối thủ có sản lượng lớn, hệ thống sản xuất, tiêu thụ khép kín.

### **6.4 Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt phát hành ra công chúng lần đầu của Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco nhằm mục đích giúp Công ty hoạt động ngày một độc lập và hiệu quả hơn.

Tuy nhiên trong thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường Chứng khoán vẫn còn đang trong giai đoạn phục hồi nên giá cổ phiếu hiện nay tương đối thấp, đặc biệt sau khi Hiệp định TPP dự kiến sớm được thực hiện, ngành chăn nuôi Việt Nam dự kiến gặp nhiều khó khăn làm cho NĐT ít quan tâm đến các cổ phần bán lần đầu của các doanh nghiệp thức ăn chăn nuôi khi cổ phần hóa. Do vậy việc phát hành lần này của Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco bị ảnh hưởng khá lớn. Giá bán phải ở mức hấp dẫn mới thu hút sự quan tâm và tham gia của các NĐT.

### **6.5 Rủi ro khác**

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco.

## **VII. Phương án sắp xếp lao động**

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>128</b>
1	Lao động làm việc theo HĐLĐ	128
1.1	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	102
1.2	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	13
1.3	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng	11
1.4	Lao động làm việc thời vụ, lao động học việc thử việc	2
2	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	
<b>II</b>	<b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp</b>	<b>1</b>
<b>III</b>	<b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần</b>	<b>127</b>
	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	127

### VIII. Tổ chức bộ máy sau cổ phần hóa

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

**Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

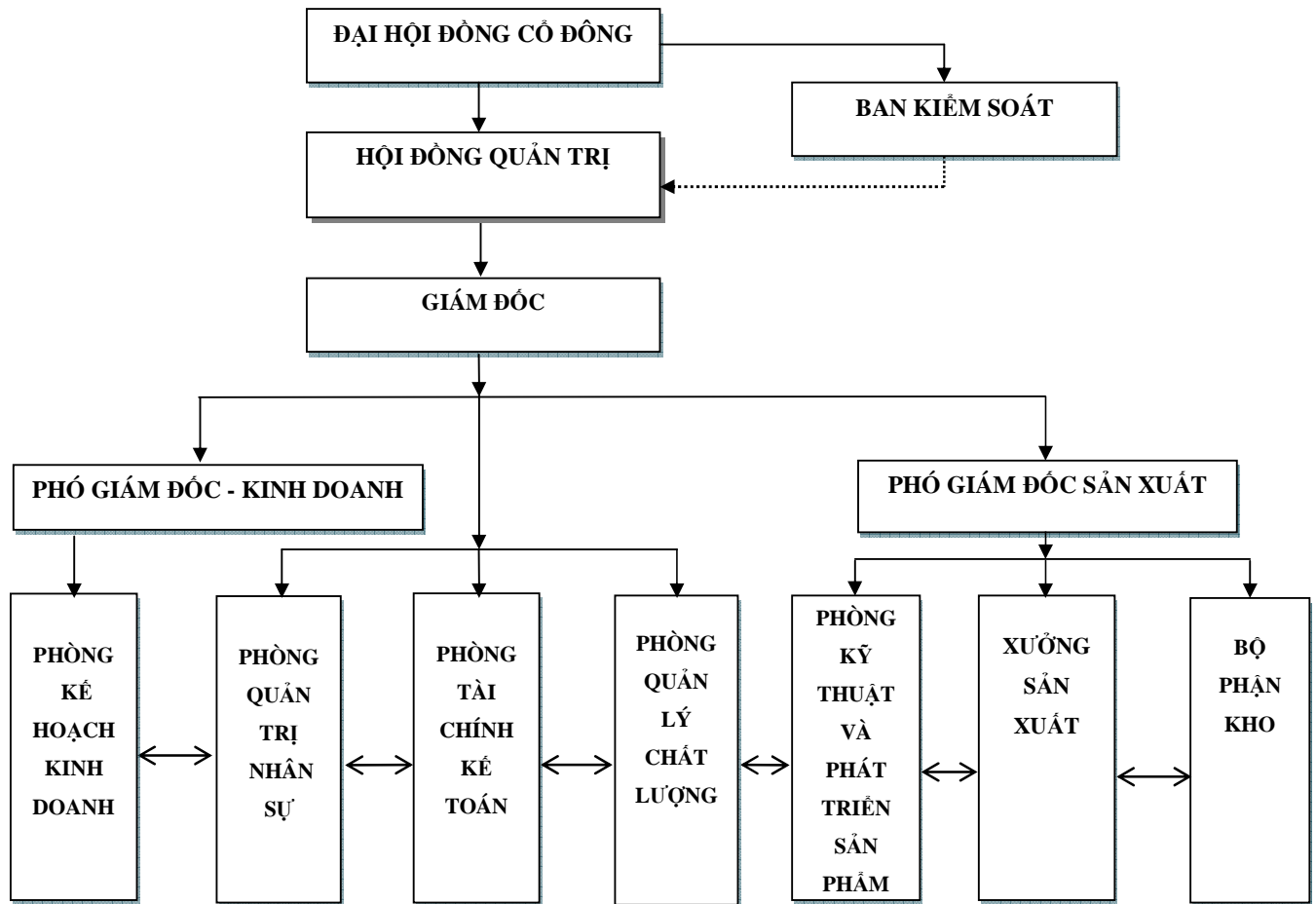
**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban kiểm soát:** Do đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

**Giám đốc:** Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trực hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Cơ cấu các phòng ban chuyên môn gần như ổn định không có thay đổi.

**Sơ đồ tổ chức Công ty sau cổ phần hóa**



Ghi chú: —> Quan hệ chỉ đạo

↔ Quan hệ phối hợp

.....> Quan hệ kiểm soát

## **IX. Chiến lược và phương án kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa**

### **1. Chiến lược phát triển**

#### **1.1 Sản phẩm**

Tiếp tục ổn định cải tiến chất lượng và hoàn thiện những sản phẩm hiện có;

Cải tiến sản phẩm nhằm giảm giá thành tăng cạnh tranh;

Đa dạng hóa sản phẩm cám heo, gà vịt, cút, bò... để đáp ứng đầy đủ các nhu cầu thị trường ở tất cả các mức chất lượng, giá cả;

Tối ưu hóa các khâu: Tồn kho, kế hoạch sản xuất, kiểm soát chất lượng nhằm ổn định chất lượng và giá thành sản phẩm.

#### **1.2 Khách hàng**

Tiếp tục sử dụng hệ thống phân phối hiện tại; khai thác mạnh vào đối tượng khách hàng là các đại lý, trại chăn nuôi có tiềm lực tài chính tốt, có cung cấp con giống, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, hình thành chuỗi liên kết con giống – thức ăn – tiêu thụ sản phẩm;

Liên kết với các đối tác lớn để xây dựng mô hình khép kín bền vững;

Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt cho khách hàng để kích thích và đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ, đặc biệt các khách hàng có sản lượng lớn;

Thường xuyên tổ chức các chương trình hội thảo khách hàng, các tour du lịch trong và ngoài nước nhằm gắn kết khách hàng với Công ty;

Xây dựng hệ thống phân phối gắn bó lâu dài và ổn định.

#### **1.3 Thị trường**

Đẩy mạnh phát triển tăng quy mô thị trường lên 31.000 tấn năm 2018;

Tập trung khai thác tối đa thị trường trọng điểm: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, ĐakLak. Đồng thời gia tăng khai thác thị trường từ Ninh Thuận đến Quảng Bình.

#### **1.4 Thương hiệu**

Tiếp tục xây dựng và triển khai nhiều chương trình marketing nhằm tăng mức độ nhận diện thương hiệu. Khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường.

#### **1.5 Nguồn nhân lực**

Xây dựng nguồn nhân lực mạnh về trình độ, đủ về số lượng để đáp ứng nhu cầu lao động cho chiến lược kinh doanh trong thời gian tới.

### **2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 – 2018**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>
1	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	45.000	45.000	45.000	45.000
2	Doanh thu (Triệu đồng)	244.800	249.750	254.700	259.650

3	Chi phí (Triệu đồng)	236.800	242.250	247.000	251.750
4	Lợi nhuận trước thuế	8.000	7.500	7.700	7.900
5	Lợi nhuận sau thuế	6.240	6.000	6.160	6.320
6	Tổng số lao động dự kiến (người)	128	132	135	137
7	Thu nhập bình quân (Triệu đồng)	8	8,2	8,5	9
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu	2,54%	2,40%	2,42%	2,43%
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	13,87%	13,33%	13,69%	14,04%

### 3. Căn cứ để thực hiện kinh doanh

#### 3.1 Môi trường kinh doanh

Là một yếu tố quan trọng của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chịu tác động trực tiếp bởi các biến động kinh tế, xã hội, chính trị, pháp luật trong nước và thế giới.

**Yếu tố kinh tế:** Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015 ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm trên 5%/năm. Tuy nhiên do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp... đã tác động không thuận đến nền kinh tế Việt Nam.

**Yếu tố chính trị - luật pháp:** Thể chế chính trị của Việt Nam được đánh giá là ổn định nhất trong khu vực. Trước yêu cầu của việc điều hành nền kinh tế theo cơ chế kinh tế thị trường, Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực từng bước đổi mới và cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để tạo ra nền hành chính công minh bạch và đáp ứng với yêu cầu của quá trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.

**Yếu tố văn hóa - xã hội:** Với tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức độ hội nhập văn hóa ngày càng sâu rộng, trình độ nhận thức của người tiêu dùng Việt Nam ngày càng được nâng cao. Các hình thức và phương tiện thông tin đã được phủ khắp các vùng miền giúp người dân tiếp cận được với những thông tin, kiến thức mới nhất.

**Yếu tố thị trường, nguyên liệu và lao động:** Môi trường kinh doanh tốt là khi có thị trường tiêu thụ tốt, thị trường nguyên liệu ổn định, ít bị lệ thuộc và biến động giá, lực lượng lao động chuyên nghiệp và dồi dào.

#### 3.2 Triển vọng ngành

Thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam có doanh số hàng năm lên tới 6 tỷ USD và mức tăng trưởng luôn trong khoảng 13-15%/năm, do đó sản xuất thức ăn chăn nuôi là một thị trường triển vọng và tiềm năng.

#### 3.3 Phân tích Swot

##### a. Điểm mạnh (S)



**S1:** Thương hiệu thức ăn chăn nuôi KHATOCO đã được khẳng định trên thị trường miền Trung và Tây nguyên.

**S2:** Sản lượng tiêu thụ phục vụ cho Công ty mẹ chiếm tới 20% tổng sản lượng hàng năm.

**S3:** Máy móc thiết bị đồng bộ đạt được hiệu quả sản xuất.

#### **b. Điểm yếu (W)**

**W1:** Nguyên liệu ngành thức ăn chăn nuôi phần lớn là nhập khẩu nên phụ thuộc rất nhiều vào tỷ giá, chi phí trung gian... làm tăng giá thành sản phẩm.

**W2:** Mặc dù máy móc thiết bị vẫn hoạt động tốt nhưng việc cải tiến và đầu tư để cho ra sản phẩm chất lượng cạnh tranh là hết sức cần thiết.

#### **c. Cơ hội (O):**

**O1:** Công ty nằm gần khu vực sản xuất nông sản lớn ở Tây nguyên và hệ thống vận tải đường thủy thuận lợi cho công tác nhập nguyên liệu đầu vào.

**O2:** Khu vực miền Trung đang được đầu tư phát triển về quy mô, con giống, quản lý... chăn nuôi hứa hẹn sẽ là thị trường thuận lợi cho Công ty thức ăn chăn nuôi phát triển.

#### **d. Nguy cơ (T)**

**T1:** Ngành chăn nuôi của các doanh nghiệp tại Việt Nam phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài về về giá cả và chất lượng sản phẩm.

### **3.4 Thực thi mô hình Swot**

- Với thương hiệu thức ăn Khatoco đã được khẳng định trên thị trường miền Trung và Tây nguyên, đặc biệt hơn nữa khu vực miền Trung là thị trường đầy hứa hẹn cùng với Tây nguyên vùng sản xuất nông sản lớn sẽ là hai yếu tố quyết định có tác động vô cùng tích cực cho hoạt động sản xuất của Công ty.
- Với sức cạnh tranh hết sức gay gắt của các doanh nghiệp nước ngoài cùng những khó khăn về nguyên liệu đầu vào sẽ là động lực thúc Ban lãnh đạo Công ty tìm ra phương hướng giải quyết vấn đề góp phần tạo ra điểm đột phá trong tương lai.
- Thương hiệu đã được khẳng định trong một số khu vực nhất định, khách hàng tiêu thụ lâu năm và tương lai sẽ tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sẽ tạo nền tảng vững chắc trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty.

### **X. Phương án sử dụng đất**

**Công ty đang sử dụng 40.040m<sup>2</sup> chi tiết như sau:**

- Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco đang sử dụng lô đất với diện tích 40.040m<sup>2</sup> theo Hợp đồng thuê đất số 83/2014/HĐTD ngày 19/08/2014 giữa UBND tỉnh Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco; Quyết định số 642/QĐ - CT ngày 27/5/2009 của Cục trưởng Cục thuế Khánh Hòa về việc miễn tiền thuê đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 389548 ngày 26/6/2009 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp;

- + Thửa đất số: 727, tờ bản đồ số: 24(82-92-B)
- + Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 40.040m<sup>2</sup>, sử dụng chung: Không
- + Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở, sản xuất kinh doanh.
- + Thời hạn sử dụng: 30 năm kể từ ngày 01/12/2006 đến hết ngày 01/12/2036.
- + Địa điểm thuê đất: Lô đất Thôn Nhĩ Sự, xã Ninh Thân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
- + Tiền thuê đất trả hàng năm.
- + Kiến nghị UBND Tỉnh Khánh hòa cho phép Công ty được tiếp tục sử dụng đất sau khi hoàn tất thủ tục cổ phần hóa.và được hưởng ưu đãi về miễn tiền thuê đất đến năm 2017 theo quyết định 642/QĐ-CT ngày 27/05/2009 của Cục Thuế Tỉnh Khánh hòa.

## **XI. Quản lý và sử dụng số tiền thu từ cổ phần hóa**

### **1. Quản lý tiền thu từ cổ phần hóa**

Số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo chế độ Nhà nước quy định; Phần còn lại và khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm XDGTĐN được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ. Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 thông tư 196/2011/TT-BTC.

### **2. Dự toán chi phí cổ phần hóa**

<b>STT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
1	Chi phí thuê tư vấn XDGTĐN	82.500.000
2	Chi phí kiểm toán phục vụ XDGTĐN	20.000.000
3	Chi phí thuê tư vấn Xây dựng phương án cổ phần hóa	82.500.000
4	Chi phí bán đấu giá	80.000.000
5	Thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và tổ giúp việc	88.000.000
6	Các chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu, đăng ký thành lập doanh nghiệp	47.000.000
7	<b>Tổng</b>	<b>400.000.000</b>

### **3. Dự toán thu từ bán vốn ra bên ngoài**

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ phần vốn góp Nhà nước tại Công ty cổ phần, dự kiến tiền thu tạm tính theo giả định tất cả số lượng cổ phần được chào bán hết và giá bán là 10.000 đồng/cổ phiếu:

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số cổ phần chào bán</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
<b>I</b>	Tiền thu từ CPH (a)	3.600.000	35.656.000.000
<b>1</b>	Tiền thu từ chào bán công khai ra bên ngoài	2.614.000	26.140.000.000
<b>2</b>	Tiền thu từ chào bán cho NĐT chiến lược	900.000	9.000.000.000
<b>3</b>	Tiền thu từ chào bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên	86.000	516.000.000
<b>4</b>	Tiền thu từ chào bán cho CBCNV theo dạng cam kết làm việc lâu dài	-	0
<b>5</b>	Tiền thu từ chào bán cho công đoàn công ty	-	0
<b>II</b>	Mệnh giá chào bán (b)	3.600.000	36.000.000.000
<b>III</b>	Chênh lệch giữa tiền thu CPH và mệnh giá chào bán (c)= (a) - (b)		-344.000.000
<b>IV</b>	Chi phí CPH (d)		400.000.000
<b>V</b>	Chi chế độ lao động dôi dư (d <sub>1</sub> )		58.006.651
<b>VI</b>	Giá trị ròng tiền thu (e) = (a) - (d) - (d <sub>1</sub> )		35.197.993.349
<b>VII</b>	Tổng số tiền từ chào bán cổ phần (f) = (e)		<b>35.197.993.349</b>

## **XII. Tổ chức phương án cổ phần hóa được duyệt**

### **1. Tổ chức phương án được duyệt**

Sau khi phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco được UBND tỉnh phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần sẽ chỉ đạo triển khai các công việc sau:

#### **1.1 Triển khai các bước bán cổ phần**

- Phối hợp đơn vị tư vấn, cung cấp các tài liệu liên quan và chỉ đạo doanh nghiệp ký hợp đồng với Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM để bán đấu giá cổ phần theo quy định
- Căn cứ lựa chọn NĐT chiến lược và kết quả bán đấu giá cổ phần chào mời các NĐT có đủ điều kiện đăng ký mua cổ phần.

- Căn cứ kết quả bán đấu giá cổ phần, thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn.

### **Triển khai phương án sắp xếp lao động được phê duyệt**

#### **1.2 Quản lý tiền thu được từ cổ phần hóa**

- Mở tài khoản phong tỏa và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa theo đúng quy định.
- Kết thúc quá trình cổ phần hóa, doanh nghiệp phải quyết toán chi phí cổ phần hóa và kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt.
- Nộp tiền thu từ cổ phần hóa theo quy định.

#### **1.3 Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập**

#### **2. Kiến nghị**

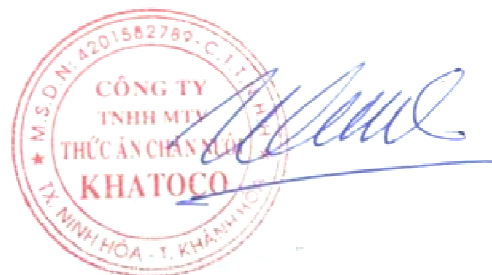
- Đối với tài sản không đưa vào cổ phần hóa có giá trị: **604.272.393** đồng, công ty kiến nghị cho phép tiến hành các thủ tục bàn giao toàn bộ số tài sản này cho địa phương quản lý và sử dụng.
- Công tác cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco là thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Khánh Việt, việc chuyển đổi hình thức hoạt động sang loại hình Công ty cổ phần nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian sắp tới.

Kính trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa thẩm định và trình UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và cho phép Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco tiến hành các thủ tục chuyển đổi trong thời gian sớm nhất./.

*Khánh Hòa, ngày 26 tháng 11 năm 2015*

**CÔNG TY TNHH MTV THỨC ĂN CHĂN NUÔI  
KHATOCO**

**Giám đốc**



**NGUYỄN THIÊN PHONG**